

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0

Lê Thị Anh Đào

Đại học Khoa học - Đại học Huế
77 Nguyễn Huệ, thành phố Huế, Việt Nam
Email: anhdaokls@gmail.com

TÓM TẮT: Ngày nay, với sự phát triển như vũ bão của cuộc Cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta có tầm quan trọng rất lớn và rất cần thiết. Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế, việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao được xem là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra nhanh chóng, yêu cầu về phát triển nguồn nhân lực đứng trước những thách thức mới đặt Việt Nam cũng như các nước trên thế giới phải có những chiến lược phát triển phù hợp. Trong đó, phát triển nguồn nhân lực phải đảm bảo được các kĩ năng, kĩ thuật, xã hội và trình độ nhận thức cơ bản. Bài viết phân tích về vấn đề phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, từ đó đưa ra một số nhận xét, đánh giá về quá trình này.

TỪ KHÓA: Nguồn nhân lực; Cách mạng công nghiệp 4.0; Việt Nam.

→ Nhận bài 7/3/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 10/4/2019 → Duyệt đăng 25/5/2019.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, thời đại phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa đã và đang trở thành xu thế tất yếu. Mọi quốc gia, dân tộc trên toàn thế giới đều có những thay đổi về đường hướng phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục (GD) để cho phù hợp. Từ cuối thế kỉ XVIII trở đi, thế giới đã trải qua bốn cuộc Cách mạng công nghiệp (CMCN) làm thay đổi căn bản nền tảng phát triển. Sự phát triển của khoa học công nghệ ngày càng gia tăng đòi hỏi phải có những thay đổi lớn trong chiến lược đào tạo (ĐT), xây dựng và phát triển một nguồn nhân lực (NNL) chất lượng cao. Nắm bắt được xu thế đó, nhiều nước tiên tiến trên thế giới đã tích cực có những chủ trương, chính sách đầu tư vào GD một cách bài bản nhằm tạo ra một nguồn lực mới đáp ứng với tình hình mới. Đối với Việt Nam, cuộc CMCN 4.0 đã và đang tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội. Việt Nam bắt đầu có những chiến lược mới nhằm xây dựng và phát triển nền GD nước nhà. Đó là một trong những nền tảng căn bản tạo ra một nguồn lực lao động hội đủ các điều kiện, tiêu chí mới trước đòi hỏi của cuộc CMCN 4.0 mang lại.

Có thể thấy, khái niệm về NNL chất lượng cao được nhiều nhà khoa học, chính quyền các cấp quan tâm. Theo tinh thần của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Đảng ta lần đầu tiên đã sử dụng thuật ngữ NNL chất lượng cao. Đến Đại hội X, một lần nữa Đảng ta nhấn mạnh đến thuật ngữ này. Theo quan niệm của Đảng, có thể hiểu rằng, NNL chất lượng cao bao gồm đội ngũ các nhà khoa học và công nghệ, các kĩ sư, các công nhân kĩ thuật có tay nghề cao. Các nhà khoa học cũng cho rằng, NNL chất lượng cao là những người có trình độ chuyên môn, kiến thức, tay nghề, là lực lượng xung kích đầu tiên tiếp cận với những cái mới. Như

vậy, xét từ nhiều góc nhìn, khía cạnh khác nhau, có thể thấy, NNL chất lượng cao là những người được ĐT, có trình độ, chuyên môn, có trí tuệ đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn trên nhiều phương diện, lĩnh vực khác nhau; là lực lượng có phẩm chất đạo đức tốt, đi đầu, tiên phong trong mọi hoạt động, là lực lượng nòng cốt của xã hội. NNL chất lượng cao là một trong những nhân tố cơ bản đưa đến sự phát triển của đất nước đặc biệt trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0

2.1.1. Xu hướng phát triển của thế giới

Sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại vào nửa sau thế kỉ XX cho đến nay đã tác động mạnh mẽ đến mọi phương diện của đời sống xã hội của các quốc gia, dân tộc. Làn sóng khoa học công nghệ phát triển như vũ bão đã tạo nên một bước tiến mới cho nền văn minh nhân loại, đưa loài người bước sang một giai đoạn mới: Giai đoạn phát triển của “văn minh trí tuệ”, một thời đại mới: Thời đại “văn minh hậu công nghiệp”.

Trong bối cảnh và xu hướng phát triển đó, sự phát triển nhanh chóng của CMCN 4.0 hiện nay, mọi quốc gia trên thế giới đều phải có chiến lược phát triển phù hợp với những thay đổi do CMCN 4.0 mang lại. Trong đó, phát triển NNL được xem là chiến lược hàng đầu, là động lực tạo nên bước đột phá để phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế.

Có thể thấy, CMCN 4.0 được dựa trên ba cơ sở: Kĩ thuật số; công nghệ sinh học; robot thế hệ mới, các nguồn năng lượng mới... CMCN 4.0 sẽ làm cho nền kinh tế chuyển đổi mạnh mẽ, từ mô hình dựa vào tài nguyên với lực lượng

lao động đông đảo, chi phí thấp sang nền kinh tế dựa vào tri thức. CMCN 4.0 sẽ tạo ra nhiều ngành nghề mới nhưng cũng có không ít ngành nghề cũ mất đi. CMCN 4.0 sẽ tạo ra một sự thay đổi căn bản, toàn diện đời sống sản xuất. CMCN 4.0 đã tạo ra một lực lượng sản xuất mới phù hợp với những thành tựu mới của khoa học công nghệ hiện đại tạo nên một bước chuyển mới, đưa xã hội bước vào một giai đoạn phát triển mới của nền văn minh trí tuệ.

Như vậy, cuộc CMCN 4.0 đã, đang diễn ra hiện nay đòi hỏi phải dựa trên một nền tảng chắc chắn của sự phát triển về yếu tố con người, yếu tố trí tuệ cũng như trình độ phát triển của mọi quốc gia, dân tộc. Trước những thay đổi của tình hình kinh tế, xã hội, xu hướng phát triển của thế giới và sự phát triển của nền Công nghiệp 4.0, các nước trên thế giới đều có những đối sách nhằm đáp ứng với xu thế mới. Điển hình như các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore đưa ra chiến lược phát triển kinh tế số thúc đẩy nền công nghiệp thông minh. Mĩ cũng đưa ra chương trình “Cộng đồng công nghiệp Internet”. Đức cũng đã xúc tiến “Chương trình Công nghiệp 4.0”... Đặc biệt, rất nhiều quốc gia đã có những chiến lược nhằm phát triển NNL chất lượng cao đáp ứng với tình hình mới, trong đó có Việt Nam. Thực tế cho thấy, bước vào kỉ nguyên mới, kỉ nguyên khoa học và công nghệ, một số nước trong khu vực đã, đang tích cực phát triển NNL chất lượng cao thông qua nhiều hình thức, trong đó đặc biệt là thông qua con đường GD, ĐT.

Ở Singapore, giai đoạn phát triển công nghệ cao để hình thành nền kinh tế tri thức (từ năm 1990 đến nay), Chính phủ đã chủ trương phát triển mạnh các ngành kinh tế có hàm lượng trí tuệ cao. NNL do đó không chỉ có kĩ năng nghề nghiệp mà còn phải có tính sáng tạo, có khả năng thích ứng với những thay đổi của khoa học công nghệ. Vì vậy, Singapore đã tiến hành cải cách GD một cách toàn diện với nhiều quyết sách lớn: Đưa công nghệ vào giảng dạy ở tất cả các bậc học của hệ thống GD; thay đổi nội dung, chương trình giảng dạy ở cả ba cấp phổ thông; cải cách hệ thống GD tiểu học và trung học cơ sở; cải cách hệ thống GD ở bậc phổ thông trung học và dạy nghề sau phổ thông cơ sở; mở rộng các mô hình học nghề song song; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất... Nhờ sự điều chỉnh chính sách đó, Singapore xây dựng được đội ngũ nhân lực đa dạng, có đẳng cấp quốc tế ở các lĩnh vực công nghệ cao, đặc biệt là nhân lực công nghệ thông tin phù hợp với các lĩnh vực kinh tế tri thức.

Hiện nay, có 21.000 cán bộ và kĩ sư làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển. Năm 1992, có 20 sáng chế được trao giải thưởng. Năm 2004, có 1.250 sáng chế đăng kí và có 600 sáng chế được trao giải thưởng. Năm 2004, thu được 15 tỉ SGD từ việc bán sản phẩm nghiên cứu và bằng sáng chế; xây dựng và sản xuất 70% dàn khoan dầu ngoài khơi và 25% đĩa cứng trong công nghệ truyền thông thế giới... Năm 1998, Bộ Lao động được đổi tên thành Bộ Các nguồn lực lao động nhằm ĐT NNL chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh. Bước vào đầu thế kỉ XXI, Singapore đã xây dựng mạng lưới các nhân tài, hướng đến xây dựng Singapore trở thành đầu mối thông tin, trí tuệ phát triển và

đa chiều của châu Á, châu Âu và châu Mĩ.

Ở Thái Lan, để cung cấp nguồn lao động lành nghề, có trình độ cao, Chính phủ Thái Lan tăng cường hơn nữa cho phát triển GD. Năm 1999, Luật GD Quốc gia đã được công bố, mục đích là “Phát triển toàn diện người Thái Lan trong tất cả các lĩnh vực”. Hệ thống trường học cũng được hoàn thiện từ cấp Tiểu học lên đến Đại học. Đặc biệt, với Viện Công nghệ châu Á (Asian Institute of Technology), một cơ sở ĐT quốc tế ở bậc Sau đại học có chất lượng cao không chỉ giúp Thái Lan mà còn giúp nhiều nước trong khu vực ĐT NNL. Trong hơn 40 năm, AIT đã ĐT hơn 10.000 chuyên gia có trình độ về khoa học và công nghệ [1, tr.234].

Ở Philippines, hệ thống GD được tổ chức theo mô hình GD tiên tiến. Theo đó, Philippines có những điều kiện tiếp cận nhanh nhạy với nền GD tiên tiến của thế giới. Do đó, NNL được ĐT khá bài bản và có năng lực cao.

Ở Indonesia, hệ thống GD cũng được xây dựng hoàn chỉnh từ cấp học mẫu giáo đến đại học. Chương trình giảng dạy ở Indonesia, ngoài giảng dạy về Pancasila (5 nguyên tắc triết lí về xây dựng nhà nước được Sukarno tuyên bố trong diễn văn đọc ngày 01 tháng 6 năm 1945), giảng dạy về tôn giáo về dân sự thì còn trang bị những kiến thức cần thiết đáp ứng nhu cầu phát triển của một xã hội công nghệ.

Ở Malaysia, GD được coi là phương tiện để thành công của cá nhân và đáp ứng yêu cầu của đất nước ở thời kì công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế. Ngay từ những 1957 trở đi, sau khi giành được độc lập, Chính phủ đã đưa ra chính sách Malaysia hóa. Theo đó, quan chức, học giả được cử ra nước ngoài để ĐT. Để ĐT được NNL chất lượng cao, có sự tiếp thu những thành tựu của khoa học công nghệ và tri thức tiên tiến, Malaysia đã chủ trương cải cách, đổi mới giáo trình giảng dạy. Theo đó, đề cao vấn đề hội nhập: *Hội nhập tri thức, hội nhập kĩ năng, hội nhập các giá trị tinh thần*. Đến những năm 1990, với sự phát triển, tăng trưởng cao của nền kinh tế, nhu cầu NNL có tay nghề, chất lượng cao ngày càng cấp thiết hơn. Do đó, ngoài ĐT theo hệ công lập, Chính phủ chủ trương mở thêm hệ đại học và cao học tự thực chủ yếu ĐT các ngành kĩ thuật và công nghệ. Ngoài ra, để thu hút nhân tài bổ sung cho NNL, Thủ tướng Malaysia Mahathir Mohamad đã đề ra kế hoạch “*Giành khối óc*”. Với kế hoạch này, hằng năm Malaysia sẽ thu hút 5.000 tài năng khoa học. Tuy nhiên, trên thực tế cho tới năm 2004, Malaysia chỉ mới thu hút được 94 nhà khoa học hoạt động trong các lĩnh vực y khoa, dược, công nghệ bán dẫn... [2, tr.619]. Nhận định về trình độ, năng lực của NNL các nước ASEAN, nghiên cứu gần đây đã đưa ra các chỉ số như sau: Trên bản đồ về năng lực khoa học trên thế giới, khuynh hướng trong toán học và khoa học quốc tế cho thấy Malaysia đứng thứ 8 về toán học, sau Singapore (đứng thứ 3) nhưng trên Thái Lan (đứng thứ 29). Về năng lực khoa học, Malaysia đứng thứ 21, sau Singapore (đứng thứ 1) và trên Thái Lan (đứng thứ 22) [2, tr.619-620].

Như vậy, có thể thấy, một xu hướng và chiến lược mới mà các nước trong khu vực cũng như trên thế giới quan tâm, hướng đến và thực hiện đó là tích cực đầu tư cho GD - ĐT.

Phát triển GD - ĐT đã nằm trong chương trình tổng thể của phát triển quốc gia. Rõ ràng, phát triển GD - ĐT là nhằm tạo ra một NNL cho xã hội, tạo nên một nền tảng tri thức, văn hóa vững chắc, đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất cho sự phát triển chung của đất nước. Đặc biệt, trong thời đại hội nhập, tính cạnh tranh quốc tế cũng như nhu cầu trao đổi ngày càng gia tăng, do đó hầu hết các nước trên thế giới khi chú trọng phát triển GD - ĐT thì cũng chú trọng đến hội nhập tri thức, hội nhập kỹ năng.

2.1.2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trước bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam

Trước làn sóng khoa học công nghệ đang phát triển mạnh mẽ trong thế kỷ XXI, để đón đầu xu thế phát triển, Việt Nam cũng đã có những chuyển động tích cực nhằm tiếp nhận những nhân tố mới. Trong quá trình phát triển của đất nước, Việt Nam đã chú trọng đến vấn đề phát triển NNL và NNL chất lượng cao, xem đây là một trong những nhân tố thúc đẩy phát triển đất nước. Để phát triển NNL, chúng ta lấy GD - ĐT làm trung tâm và không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, không ngừng đổi mới GD một cách toàn diện và đúng mức. Nhiều trường đại học đã có điều chỉnh theo hướng ĐT chuyên sâu, đề cao hướng nghiệp, chú trọng đến yếu tố khoa học, kỹ thuật. NNL được ĐT ra một phần nào đó đã đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi thực tế của nghề nghiệp và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Thực tế cho thấy, trong bối cảnh thế giới, toàn cầu đang có những đổi thay nhanh chóng. Lực lượng sản xuất ngày càng phát triển vượt trội, cơ cấu ngành nghề thay đổi, xu hướng phát triển công nghiệp, dịch vụ tăng lên đòi hỏi chất xám, trí tuệ cao. Nhiều thành tựu khoa học mới ra đời đã làm thay đổi bộ mặt của thế giới. Nhu cầu khám phá, phát minh, nghiên cứu ở tầm vĩ mô nhằm hướng đến xây dựng một xã hội phát triển, văn minh, hiện đại. Việt Nam không tách rời xu hướng hướng đó và đã, đang chuyển mình để hội nhập với thế giới. Do vậy, chúng ta càng cần nhắc, coi trọng đến phát triển NNL. NNL ở đây không phải là một lực lượng lao động phổ thông, thiếu chuyên môn mà là một lực lượng lao động được ĐT, có tính chuyên nghiệp, có trí tuệ. Để hội nhập sâu rộng vào nền “kinh tế tri thức”, một xu hướng đang lên của thế giới, yếu tố trí tuệ được xem là tiêu chí của sự phát triển, GD Việt Nam phải phát triển theo hướng đi đó để đảm bảo tạo ra một nguồn lực chất lượng cao.

Trước bối cảnh nền Công nghiệp 4.0 đang phát triển nhanh chóng, Việt Nam cần phải tập trung xây dựng, phát triển nền kinh tế số và công nghiệp thông minh, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, đưa nền kinh tế tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, NNL ở Việt Nam đang còn nhiều hạn chế nhất định và phải đối mặt với nhiều thách thức mới.

Thứ nhất, cuộc CMCN 4.0 đã đưa đến những thay đổi về cung và cầu lao động, thị trường lao động và cơ cấu lao động sẽ bị ảnh hưởng lớn. Trong một số lĩnh vực, sự xuất hiện robot, kỹ thuật số, các máy móc thông minh, vì vậy lực

lượng lao động phải chuyển nghề hoặc dẫn đến dư thừa, thất nghiệp. Cơ cấu lao động sẽ thay đổi theo hướng bất lợi cho quá trình vận hành và phát triển kinh tế nói chung. Số lượng lao động có bằng cấp cao thì rất khó có công việc phù hợp, lao động phổ thông lại không đáp ứng được yêu cầu của công việc. Như vậy, lực lượng lao động dư thừa tăng lên ảnh hưởng không nhỏ đến các vấn đề xã hội.

Thứ hai, trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0, con người gần như dựa vào tri thức để phát triển mọi mặt. Một sự thay đổi lớn lao ở cấp vĩ mô trong mỗi đơn vị kinh tế, xã hội, tổ chức, doanh nghiệp... đặc biệt trong những lĩnh vực công nghệ thông tin. Nguồn lực lao động trong các ngành nghề mới đòi hỏi những kỹ năng, kỹ thuật và những nhận thức xã hội cơ bản. Tuy nhiên, nguồn lực lao động ở Việt Nam rất đông đảo nhưng lại thiếu kỹ năng, tính chuyên nghiệp và kỷ luật lao động, đang còn thụ động, chưa bắt kịp được sự phát triển của xu thế mới. Thực tế cho thấy, tại một số đơn vị kinh tế, doanh nghiệp sau khi tuyển dụng lao động được ĐT, họ còn phải ĐT lại một cách chuyên nghiệp tại nơi làm việc. Bên cạnh đó, chúng ta lại thiếu một bộ phận lãnh đạo, kinh doanh giỏi, đội ngũ quản lý, các chuyên gia trình độ cao còn hạn chế. Trình độ chuyên môn của người học sau khi ra trường chưa đáp ứng với nhu cầu thực tế của xã hội; khả năng sáng tạo và ứng dụng của người lao động Việt Nam chưa cao khi nhu cầu phát triển, trình độ làm việc và những thành tựu khoa học công nghệ ngày càng phát triển nhanh chóng.

Thứ ba, việc nhận thức về CMCN 4.0 trong giới quản lý cũng như một số lao động còn hạn chế, mơ hồ, dẫn đến việc không có được chiến lược phát triển NNL đúng mức, lộ trình vận hành, thực hiện chưa hiệu quả, thiếu chuyên nghiệp và tính khoa học. Chưa xác định đúng đắn vai trò của NNL chất lượng cao cũng như tầm quan trọng của đổi mới GD - ĐT trong bối cảnh mới, xu thế mới. Bên cạnh đó, sự phân bổ nguồn lực lao động cũng chưa thực sự hợp lý. Một bộ phận có trình độ cao được qua ĐT thì tập trung nhiều ở các trung tâm, thành phố lớn, số ít tập trung ở các địa phương. Điều này tạo ra một sự phát triển chênh lệch, thiếu đồng bộ, thiếu tính bền vững lâu dài.

Thứ tư, hệ thống ĐT các cấp chưa được chuẩn hóa về đội ngũ, hình thức ĐT còn nặng tính lý thuyết. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, học tập còn chưa đồng bộ và lạc hậu. Những tồn tại này đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng ĐT nhằm hướng đến mục tiêu phát triển một NNL chất lượng cao. Sự phát triển của hệ thống trường nghề, thực nghiệm ở Việt Nam còn khiêm tốn, chưa tương xứng với nền công nghiệp tiên tiến, hiện đại đang phát triển ở trên thế giới.

Nói tóm lại, cuộc CMCN 4.0 đã ảnh hưởng sâu sắc đến Việt Nam và các nước trên thế giới trên mọi phương diện, tạo ra rất nhiều cơ hội, thách thức trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế. Trên tinh thần tiếp thu có chọn lọc những thành công trong việc ĐT NNL chất lượng cao từ một số nước phát triển trong khu vực và trên thế giới trước bối cảnh CMCN 4.0 đang tạo ra những đột

phá mới cho nhân loại, Việt Nam tích cực hơn nữa trong việc tiếp cận, xây dựng NNL mới.

Thứ hết, khâu đột phá đầu tiên là tăng cường việc nhận thức về sự thay đổi, xu thế phát triển của thế giới ngày nay, nhận thức đúng về CMCN 4.0 và sự cần thiết phải có NNL mới. CMCN 4.0 bùng nổ đã tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế, xã hội. Nhà quản lý cũng như nguồn lực lao động nói chung trong mọi lĩnh vực phải hiểu, nhận thức đúng đắn và xác định rõ vấn đề này. Phải có kiến thức sâu rộng, nắm bắt một cách nhanh nhạy xu thế phát triển cũng như những thành tựu văn minh mà nhân loại đã, đang đạt được. Những đột phá về khoa học công nghệ ngày nay đang đưa các quốc gia, dân tộc trên thế giới bước vào giai đoạn phát triển văn minh trí tuệ. Đó là xu thế tất yếu. Nhận thức đúng đắn về vấn đề này là phương châm, mục tiêu cho mọi chủ trương, chính sách của Việt Nam về phát triển NNL hiện nay.

Thứ hai, để phát triển NNL chất lượng cao, giải pháp quan trọng hàng đầu đó là đầu tư, phát triển GD ĐT đúng mức. Hiện tại, cải cách và đổi mới GD đang được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội quan tâm. Tuy nhiên, để đáp ứng với CMCN 4.0, đòi hỏi phải có những cải cách thiết thực, mở rộng, chú trọng hơn nữa chuẩn đầu ra của người học. Đặc biệt quan tâm đến tính hướng nghiệp và nhu cầu xã hội; ưu tiên ĐT các ngành khoa học kỹ thuật, các ngành trọng điểm... Bên cạnh đó, việc ĐT lãnh đạo số và NNL số cũng phải có những ưu tiên nhất định. Việt Nam cần học tập kinh nghiệm về GD ĐT của các nước tiên tiến, tăng cường giao lưu và hợp tác quốc tế nhằm trao đổi, tiếp thu những thành tựu mới. Hơn nữa, để đáp ứng với những yêu cầu của CMCN 4.0 và nhu cầu hội nhập, cần phải có những cơ sở ĐT đạt chuẩn quốc tế ĐT ra một đội ngũ cán bộ chuyên trách, nhân lực có trình độ cao. Các cơ sở ĐT nên chú trọng đến các hình thức ĐT thiên về kỹ năng, tăng cường khả năng tự học của người học, ĐT theo nhu cầu của công việc. Trong đó, đặc biệt chú ý đến những kỹ năng mà máy móc thông minh, robot không thể có được như khả năng xử lý tình huống phức tạp, sáng tạo, khả năng tư duy tự nghiên cứu, tự học, trí tuệ cảm xúc... Cần phải có sự liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp nhằm chuẩn bị cho một NNL mới, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Như vậy, cải cách, đổi mới trong GD ĐT là một trong những mục tiêu nhằm hướng đến một sự chuyển đổi lớn và nâng cao chất lượng NNL. Đây là nhiệm vụ trọng tâm mà nhiều quốc gia trên thế giới đã quan tâm, chú trọng.

Thứ ba, bài học từ Singapore cho thấy, để có được NNL chất lượng cao cần phải có chính sách thu hút, đãi ngộ hiền tài một cách bài bản. Là một quốc gia được tạo dựng bởi người nhập cư, Singapore luôn mở rộng cửa chào đón những người nhập cư, nhất là những người có tài năng. Thủ tướng Lý Quang Diệu nói: *“Nếu không có những nhân tài kiệt xuất xuất thân từ nước ngoài nắm giữ các trọng trách trong các bộ phận của Chính phủ và các ngành quan trọng thì Singapore không có được những thành tựu như ngày hôm nay”* [3, tr.165]. Trong việc tuyển chọn, Singapore đưa

ra khẩu hiệu *“Để người có thực tài điều hành công việc”*. Đó là những chính sách thu hút nhân tài trong điều kiện nền kinh tri thức của Singapore mà Việt Nam cần tham khảo trong việc phát triển NNL chất lượng cao hiện nay. Bên cạnh đó, có thể thấy, ngoài thu hút nhân tài thì vấn đề đãi ngộ nhằm phát huy tối đa năng lực của người lao động, kích thích sự sáng tạo trong công việc cũng là vấn đề Việt Nam cần quan tâm. Bài học từ Nhật Bản cho thấy, muốn phát triển NNL chất lượng cao, Việt Nam phải chú trọng đến vấn đề sử dụng, quản lý nhưng không thể không quan tâm đến vấn đề đãi ngộ. Nhà nước cần phải nhanh chóng cải cách chế độ đãi ngộ (lương, thưởng, vị trí công việc...) theo hướng triệt để, hiệu quả phù hợp với cơ chế thị trường. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến chính sách ưu đãi đối với NNL khoa học – công nghệ chất lượng cao để đội ngũ này có điều kiện phát huy cao nhất khả năng sáng tạo của mình [4].

Thứ tư, về vấn đề di chuyển lao động trong khu vực. Hiện nay, với sự thay đổi về cơ cấu kinh tế theo xu hướng tăng cường các ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật, chất xám cao đã làm tăng nhu cầu về lao động có tay nghề kỹ thuật và kỹ năng quản lý. Tuy nhiên, vào năm 2015, các nước ASEAN như Campuchia, Indonesia, Lào, Philippines, Thái Lan và Việt Nam bị thiếu hụt 50% lao động có kỹ năng [5, tr.48]. Vấn đề đặt ra ở đây là cần phải có chính sách di chuyển nguồn lực lao động trong khu vực, thu hút lao động có kỹ năng trong và ngoài khu vực để tạo ra một NNL chất lượng cao. Vấn đề này vừa liên quan đến chính sách thu hút nhân tài, di chuyển nguồn lực, vừa liên quan đến hợp tác trong GD - ĐT. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, giao lưu, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới trên mọi phương diện, đặc biệt là trên phương diện văn hóa, GD được xem là một trong những kênh nhằm tạo ra một NNL tốt. Ở trong khu vực, việc trao đổi, hợp tác về GD, ĐT giữa Việt Nam với các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc... đang ngày càng gia tăng. Do đó, cần phát huy và duy trì những thành tựu này trong thời gian tới. Đó là một trong những giải pháp nhằm tăng cường phát triển GD, ĐT, tiếp cận với các nền GD tiên tiến nhằm góp phần xây dựng một nguồn lực chất lượng cao trong giai đoạn hiện nay.

Thứ năm, trong bối cảnh mới của cuộc CMCN 4.0, cần phải tăng cường công tác nghiên cứu khoa học trong các cơ sở ĐT, đặc biệt là các trường cao đẳng, đại học, các viện, trung tâm nghiên cứu. Phải có những công trình nghiên cứu có tính ứng dụng cao nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn cho đội ngũ. Đặc biệt, cần có những đầu tư cho nghiên cứu khoa học trong sinh viên nhằm phát huy khả năng sáng tạo của người học, chuẩn bị những điều kiện cần thiết về kỹ năng, tri thức cho một NNL mới.

Thứ sáu, cần phải tăng cường hợp tác quốc tế trong việc ĐT NNL cũng như chuyển giao công nghệ; học hỏi kinh nghiệm thành công trong GD - ĐT và phát triển NNL chất lượng cao của các nước tiên tiến trên thế giới và trong khu vực. Sự thành công của nhiều nước tiên tiến trên thế giới

như Mĩ, Anh, Nga..., đặc biệt với bài học thành công của Nhật Bản sau sự thất bại trong cuộc Chiến tranh Thế giới thứ hai đã trở thành một cường quốc kinh tế của khu vực và thế giới; bài học thành công của Singapore với một đất nước nghèo tài nguyên, đất đai nhỏ hẹp nhưng nhờ vào yếu tố con người, nguồn lực chất lượng cao để trở thành một nước tiên tiến. Đó là những kinh nghiệm thực tiễn mà Việt Nam có thể học hỏi. Bên cạnh đó, cần phải có những chính sách thiết thực nhằm hạn chế tình trạng “chảy máu chất xám”, hạn chế tối đa những nguồn lực được đi học tập, ĐT ở nước ngoài và không quay trở về.

Thứ bảy, xuất phát từ đặc thù của nguồn lực lao động Việt Nam hiện tại, chưa hội đủ các điều kiện cần thiết để tiếp cận với khoa học công nghệ tiên tiến, bên cạnh đó máy móc thông minh thay thế con người, nhiều ngành nghề dễ bị mất đi, lực lượng lao động dư thừa ngày càng đông. Do đó, cần phải có những giải pháp nhằm cân đối và bố trí một cách hợp lý giữa các thành phần lao động để tránh tình trạng thất nghiệp tràn lan. Ngoài ra, cũng cần tăng cường gửi cán bộ, sinh viên ra nước ngoài học tập để tiếp cận tri thức mới, tích cực đầu tư cho nguồn lực một cách bài bản, có chiều sâu và hiệu quả, tránh lãng phí chất xám.

2.2. Một vài nhận xét

Có thể nói, cuộc CMCN 4.0 đã tạo ra những đột phá mới cho sự phát triển của các nước trên thế giới. Nhiều thành tựu khoa học công nghệ vượt trội đã làm thay đổi nền sản xuất vật chất, đưa nền sản xuất vật chất chuyển từ chiều rộng sang chiều sâu, đưa nhân loại chuyển sang một nền văn minh mới: Văn minh trí tuệ. Sự thay đổi do CMCN 4.0 mang lại cho thế giới là rất lớn. Những chuyển biến trong phát triển kinh tế, sự thay đổi về nghề nghiệp, nhu cầu xã hội, mức sống của con người, đời sống tinh thần, vật chất... ngày một nâng cao. Nhiều nước trên thế giới đã và đang tiếp cận và hướng đến những giá trị của CMCN 4.0. Theo đó, những thay đổi về kinh tế, cơ cấu ngành nghề, nguồn lực lao động đang là những vấn đề được các nước quan tâm.

Trong trào lưu của sự phát triển chung, Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng lớn bởi cuộc cách mạng này. Có nhiều cơ hội lớn do cuộc CMCN 4.0 mang lại, nhưng cũng có không ít thách thức gặp phải trong quá trình phát triển đất nước. Sự chuẩn bị một NNL mới có đầy đủ các điều kiện về kỹ năng, trình độ, tri thức là một chính sách cần thiết, cấp bách nhằm đáp ứng với nhu cầu và xu thế đang lên của thế giới. Đồng thời, sự ứng phó cho một sự thay đổi về ngành nghề, cơ cấu lao động, tỉ lệ lao động phù hợp, nền kinh tế số... đang là những vấn đề đặt ra cấp thiết. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa các yếu tố kinh tế, xã hội, nguồn lực con người... đang là sự quan tâm của mọi ngành, mọi cấp trong bối cảnh hiện nay.

Thông qua GD - ĐT, hợp tác quốc tế, học hỏi kinh nghiệm các nước tiên tiến cũng như những chính sách thu hút, đãi ngộ... để Việt Nam có thể phát triển được một NNL chất lượng cao. Tuy nhiên, có nguồn lực chất lượng cao nhưng cũng phải có chính sách sử dụng NNL cho hợp lý và chuyên nghiệp. Theo quan niệm của Singapore - một đất nước có

chính sách phát triển NNL rất bài bản - một xã hội biết trọng dụng nhân tài ở tất cả các lĩnh vực là một xã hội có tương lai [6, tr.120].

Trong giai đoạn hiện nay, sự thay đổi nhanh chóng của đất nước đang diễn ra trên mọi lĩnh vực, tuy nhiên vấn đề giải quyết việc làm, sự phân bổ NNL cho hợp lý đang là vấn đề cần quan tâm của mọi cấp. Xu hướng nguồn lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan... đang gia tăng. Trong bối cảnh CMCN 4.0 đang diễn ra, công nghệ, kỹ thuật số với nhiều thành tựu mới đã thay thế sức lao động và trí tuệ con người. Đây là một bài toán khó và là một thách thức trong vấn đề ĐT NNL và sử dụng NNL chất lượng cao ở Việt Nam.

Dự báo trong thời gian tới, NNL Việt Nam sẽ bị xáo trộn và nguy cơ mất việc làm do quá trình tự động hóa mang lại. Nhiều ngành nghề sẽ mất đi nhưng cũng có nhiều ngành nghề mới ra đời. Đây là một thách thức lớn đòi hỏi phải có những chủ trương, chính sách kịp thời nhằm điều chỉnh NNL cho phù hợp. Bên cạnh đó, sự di cư NNL có chất xám ra bên ngoài làm thiếu hụt đi một NNL chất lượng cao ở trong nước cũng đang diễn ra khá phổ biến. Đây thực sự là một điều cần thiết đáng quan tâm trong điều kiện Việt Nam đang có những thay đổi lớn về kinh tế, xã hội.

Bài học từ Minh Trị Duy Tân ở Nhật Bản nửa sau thế kỷ XIX cho thấy, đầu tư sớm và có hiệu quả vào GD, tích cực học hỏi kinh nghiệm, những mô hình GD tiên tiến bên ngoài nhằm tạo ra một nguồn lực con người của thời đại, biết nắm bắt xu thế và tạo nên những thành công, tạo nên những giá trị lịch sử. Trải qua nhiều thử thách, cam go, người Nhật đã biết coi trọng và tận dụng tốt yếu tố con người để làm nên một Nhật Bản hiện đại. Với Việt Nam, điều đó không thể không có ý nghĩa, đặc biệt là trong giai đoạn CMCN 4.0 đang tiến triển hiện nay.

Như vậy, nhận thức đúng vai trò quyết định của NNL trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, nỗ lực hướng tới xây dựng NNL chất lượng cao đón đầu sự phát triển của nền kinh tế tri thức, cuộc CMCN 4.0 là một việc làm cần thiết của Việt Nam hiện nay. Do vậy, tích cực đầu tư vào NNL, tăng cường xây dựng một nền GD tiên tiến nhưng phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam là nền tảng vững chắc cho sự phát triển và hội nhập quốc tế hiện nay.

3. Kết luận

Vấn đề phát triển NNL chất lượng cao trong bối cảnh CMCN 4.0 hiện nay là một trong những vấn đề quan trọng của nhiều nước trên thế giới. Sự ra đời của hàng loạt máy móc thông minh, ra đời của công nghệ số đã thay thế sức lao động cũng như trí tuệ con người. Thực trạng NNL ở Việt Nam hiện nay đang có nhiều bất cập xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan, khách quan khác nhau, trong đó vấn đề GD, ĐT là một trong những vấn đề nổi cộm hơn cả. Để bắt kịp với xu thế mới đang lên của thời đại, Việt Nam đang từng bước cải cách, đổi mới GD cùng với nhiều thay đổi khác về kinh tế, xã hội, hợp tác quốc tế nhằm nâng cao hơn

nữ chất lượng NNL trong nước cũng như hạn chế dần tình trạng “chảy máu chất xám”. Nhiều cơ hội đặt ra cho Việt Nam trong việc ĐT NNL chất lượng cao trong bối cảnh mới nhưng cũng có không ít những thách thức, khó khăn. Để tiến kịp, tiến xa hơn nữa trên con đường phát triển và hội

nhập, hơn bao giờ hết, Việt Nam cần có những chiến lược phát triển dài hạn, đầu tư thích đáng vào yếu tố con người, coi trọng nhân tài. Đó là nền tảng căn bản của sự phát triển và phát triển bền vững trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2002), *Hướng dẫn về quan hệ quốc tế trong giáo dục và đào tạo*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Thu Mỹ, (2012), *Lịch sử Đông Nam Á*, Tập IV, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3] Lý Quang Diệu, (1994), *Tuyển tập 40 năm chính luận của Lý Quang Diệu*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Ngọc Long, (2018), *Chế độ đãi ngộ trong chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Nhật Bản - gợi ý cho Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, 0866 - 7314.
- [5] Trần Việt Dung, (2018), *Các nhân tố ảnh hưởng đến di chuyển lao động trong ASEAN giai đoạn 2010 - 2015*, Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, 0866 - 7314.
- [6] Dương Văn Quảng, (2007), *Singapore đặc thù và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

DEVELOPING HIGH QUALITY HUMAN RESOURCES IN VIETNAM IN THE CONTEXT OF INDUSTRIAL REVOLUTION 4.0

Le Thi Anh Dao

Hue University of Sciences
77 Nguyen Hue street, Hue city, Vietnam
Email: anhdaokls@gmail.com

ABSTRACT: *Today, with the rapid development of the science and technology revolution, especially in the context of the 4.0 industrial revolution, the development of high quality human resources in our country is very important and very important. necessary. In order to meet the needs of economic and social development and international integration, the development of high quality human resources is considered one of the most important objectives. In the context of the rapidly evolving 4.0, the human resource development challenges facing Vietnam and other countries in the world must have appropriate development strategies. In particular, the development of human resources must ensure the skills, technical, social and basic level of awareness. The paper will analyze the development of high quality human resources to meet the needs of Vietnam's development and international integration in the context of the 4.0 industrial revolution. From there, some comments and assessments on this process.*

KEYWORDS: Human resources; revolution 4.0; Vietnam.